**Tiếng Việt**

**Bài 21: R, r, S, s**

**I.YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Năng lực đặc thù**

 - Nhận biết và đọc đúng các âm r, s; đọc đúng các tiếng, từ ngữ, câu có các âm r, s; hiểu và trả lời được các câu hỏi có liên quan đến nội dung đã đọc.

 - Viết đúng các chữ r, s; viết đúng các tiếng từ ngữ có chữ r,s.

 - Phát triển vốn từ dựa trên những từ ngữ chứa các âm r,s có trong bài học.

**2. Năng lực chung**

- Năng lực tự chủ, tự học, lắng nghe, viết bài đúng, kịp thời và hoàn thành các nội dung trong sách giáo khoa.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Phát triển kĩ năng nói lời cảm ơn, nhận biếtđược các chi tiết trong tranh và suy luận từ tranh được quan sát.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Tham gia làm việc nhóm trong các hoạt động học tập.

**3. Phẩm chất:**

- Phẩm chất yêu nước, nhân ái: Cảm nhận được tình cảm bố mẹ dành cho con cái thông qua sự quan tâm về vật chất và tinh thần

- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ viết bài, trả lời câu hỏi.

- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự lớp học nghiêm túc.Có ý thức tự thực hành, biết giúp bạn thực hiện các nhiệm vụ học tập.

**\*HTQC: HĐ nói**

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

-Máy tính, giáo án điện tử

**III.HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

**TIẾT 1**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1.Khởi động: ( 5’)**- HS hát chơi trò chơi**2. Nhận biết** : **(5’)**- HS quan sát tranh và trả lời các câu hỏi: Em thấy gì trong tranh? - GV và HS thống nhất câu trả lời. - GV nói câu thuyết minh dưới tranh và HS nói theo. - GV cũng có thể đọc thành tiếng câu nhận biết và yêu cầu HS đọc theo.- GV đọc từng cụm từ, sau mỗi cụm từ thì dừng lại để HS đọc theo.- GV và HS lặp lại nhận biết một số lần: Bầy sẻ non ríu ra ríu rít bên mẹ- GV giúp HS nhận biết tiếng có r, s và giới thiệu chữ ghi âm r, s**3. Đọc HS luyện đọc âm: (15’)****a. Đọc âm**- GV đưa chữ r lên bảng để giúp HS nhận biết chữ r trong bài học này.- GV đọc mẫu âm r.- GV yêu cầu một số HS đọc âm r, sau đó từng nhóm và cả lớp đọc đồng thanh một số lần.- Âm s hướng dẫn tương tự**b. Đọc tiếng**- GV đọc tiếng mẫu - GV giới thiệu mô hình tiếng mẫu ra, sẻ. GV khuyến khích HS vận dụng mô hình tiếng đã học để nhận biết mô hình và đọc thành tiếng ra, sẻ.- GV yêu cầu một số HS đánh vần tiếng mẫu ra, sẻ. Lớp đánh vần đồng thanh tiếng mẫu. -GV yêu cầu một số HS đọc trơn tiếng mẫu. Cả lớp đọc trơn đồng thanh tiếng mẫu. - Đọc tiếng trong SHS + Đọc tiếng chứa âm r •GV đưa các tiếng chứa âm r yêu cầu HS tìm điểm chung (cùng chứa âm r).• Đánh vần tiếng: Một số HS đánh vần tất cả các tiếng có cùng âm đang học.• Một số HS đọc trơn các tiếng có cùng âm r đang học.-GV yêu cầu đọc trơn các tiếng chứa âm r đang học: Một số HS đọc trơn, mỗi HS đọc trơn một dòng.- GV yêu cầu HS đọc tất cả các tiếng.\*Ghép chữ cái tạo tiếng+ HS tự tạo các tiếng có chứa r.+ GV yêu cầu HS phân tích tiếng, HS nêu lại cách ghép.+ Lớp đọc trơn đồng thanh những tiếng mới ghép được.Tương tự với âm s**c. Đọc từ ngữ**- GV lần lượt đưa tranh minh hoạ cho từng từ ngữ: rổ rá, cá rô, su su, chữ số. Sau khi đưa tranh minh hoạ cho mỗi từ ngữ, chẳng hạn rổ rá.- GV nêu yêu cầu nói sự vật trong tranh. GV cho từ rổ rá xuất hiện dưới tranh. - HS phân tích và đánh vần rổ rá, đọc trơn từ rổ rá.- GV thực hiện các bước tương tự đối với cá rô, su su, chữ số- HS đọc trơn nối tiếp, mỗi HS đọc một từ ngữ. 3 -4 lượt HS đọc. 2 - 3 HS đọc trơn các từ ngữ. Lớp đọc đồng thanh một số lần**d. Đọc lại các tiếng, từ ngữ**- Từng nhóm và sau đó cả lớp đọc đồng thanh một lần.**4. Viết bảng: (10’)**- GV hướng dẫn HS chữ r,s.- GV giới thiệu mẫu chữ viết thường ghi âm r, âm s và hướng dẫn HS quan sát.- GV viết mẫu, vừa viết vừa nêu quy trình và cách viết âm r, âm s - HS nhận xét, đánh giá chữ viết của bạn.- GV nhận xét, đánh giá chữ viết của HS.- GV quan sát và sửa lỗi cho HS. | - HS chơi- HS trả lời- HS nói theo.- HS đọc- HS đọc- HS đọc-HS lắng nghe -HS quan sát-HS lắng nghe-Một số HS đọc âm r, sau đó từng nhóm và cả lớp đồng thanh đọc một số lần.-HS lắng nghe-HS lắng nghe-HS đánh vần tiếng mẫu. Lớp đánh vần đồng thanh tiếng mẫu.- HS đọc trơn tiếng mẫu. Cả lớp đọc trơn đồng thanh tiếng mẫu. -HS tìm-HS đánh vần-HS đọc-HS đọc-HS đọc-HS tự tạo-HS trả lời-HS đọc-HS lắng nghe và quan sát-Hs lắng nghe-HS phân tích đánh vần-HS đọc-HS đọc-HS lắng nghe-HS lắng nghe-HS lắng nghe, quan sát- HS viết vào bảng con, chữ cỡ vừa (chú ý khoảng cách giữa các chữ trên một dòng).-HS nhận xét-HS quan sát |

**TIẾT 2**

|  |  |
| --- | --- |
| **5. Viết vở: (10’)**- GV hướng dẫn HS tô chữ r, s HS tô chữ r, s (chữ viết thường, chữ cỡ vừa) vào vở Tập viết 1, tập một. - GV quan sát và hỗ trợ cho những HS gặp khó khăn khi viết hoặc viết chưa đúng cách.- GV nhận xét và sửa bài của một số HS**6. Đọc: ( 15’)**- HS đọc thầm cả câu; tìm các tiếng có âm r, âm s.- GV đọc mẫu cả câu.- GV giải thích nghĩa từ ngữ - HS đọc thành tiếng cả câu (theo cá nhân hoặc theo nhóm), sau đó cả lớp đọc đồng thanh theo GV.- HS trả lời một số câu hỏi về nội dung đã đọc: - GV và HS thống nhất câu trả lời.**7. Nói theo tranh:(7’)****\*HTQC**- GV yêu cầu HS quan sát từng tranh trong SHS. - GV đặt từng câu hỏi cho HS trả lời: Tranh vẽ gì?Họ đang làm gì?- GV và HS thống nhất câu trả lời. - GV giới thiệu nội dung tranh- GV yêu cầu HS thực hiện nhóm đôi, đóng vai - Đại diện một nhóm đóng vai trước cả lớp, GV và HS nhận xét.**8. Vận dụng (3’)**- GV lưu ý HS ôn lại chữ ghi âm r, s. - GV nhận xét chung giờ học, khen ngợi và động viên HS.  | - HS tô chữ r, s (chữ viết thường, chữ cỡ vừa) vào vở Tập viết 1, tập một.-HS viết-HS nhận xét- HS đọc thầm.- HS lắng nghe.- HS đọc - HS trả lời.- HS quan sát.- HS trả lời.- HS trả lời.-HS lắng nghe-HS đóng vai, nhận xét-Hs lắng nghe |